TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2018/DS-PT
Ngày: 02-4-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phượng
Các thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Hà
Ông Nguyễn Công Sự

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Trần Trúc Thủy– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 222/2017/TLPT-DS ngày 13/12/2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2017/DS-ST ngày 08/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 247/2017/QĐ-PT ngày 29/12/2017, quyết định hoãn phiên tòa số 63/2018/QĐ-PT ngày 31/01/2018, quyết định hoãn phiên tòa số 100/2018/QĐ-PT ngày 02/3/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị E, sinh năm 1954

Địa chỉ: ấp 3, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hồ Văn P, sinh năm 1959

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: xóm G, ấp B, xã L, huyện L, Đồng Nai.

- Ông Huỳnh Minh P, sinh năm 1953

Địa chỉ: ấp 3, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Ông Trần Văn S, sinh năm 1960

Địa chỉ: 331/1C khu phố 4, phường A, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Hoàng V.

5. Viện Kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch.

(Các ông bà E, V, M, Huỳnh Minh P có mặt, các ông Hồ Văn P, Trần Văn S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

- *Nguyên đơn bà Võ Thị E trình bày:* Chồng bà là ông Huỳnh Minh P quen biết với ông Nguyễn Hoàng V nên bà có cho ông V vay tiền và vàng theo thời gian như sau: Bà cho ông V vay nhiều lần tiền, tính đến ngày 24/11/2010 thì ông V ký giấy xác nhận nợ là 880.000.000 đồng thỏa thuận lãi suất 3% tháng, thời hạn vay 1 năm, khi vay có thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin gồm 01 giấy số AH368596 đứng tên Hồ Văn P và bà Nguyễn Thị M; 01 giấy mang tên ông Trần Văn S (đã trả cho ông Nguyễn Tấn T và ông S xác nhận đã nhận lại sổ đỏ từ ông T). Đối với khoản vay này ông V đã trả tiền gốc là 160.000.000 đồng.

Ngày 16/12/2011, ông V vay 35 chỉ vàng (30 chỉ vàng SJC, 5 chỉ vàng 9999) không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là 02 tháng. Sau khi vay ông V trả lãi đến tháng 12 năm 2011 thì ngưng. Số tiền, vàng bà cho ông V vay là tài sản chung vợ chồng bà.

Việc vay tiền giữa bà và ông V không liên quan đến vợ của ông V nên bà không yêu cầu Tòa án đưa vợ ông V vào tham gia tố tụng trong vụ án này. Bà đồng ý với ông V là khi viết giấy vay nợ 880.000.000 đồng và giao cho bà 03 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH368596, N269448, BC766316 vào ngày 24/11/2010. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng bà và ông V thỏa thuận cấn nợ 100.000.000 đồng và ông V có chuyển nhượng diện tích đất trong giấy chứng nhận QSDĐ số BC 766316 cho bà và vợ chồng bà tính toán lại thì số tiền mặt vay theo giấy biên nhận ngày 24/11/2010 còn lại là 720.000.000 đồng. Còn giấy chứng nhận N269448 thì ông, bà đã trả lại cho ông Sáu nên hiện nay chỉ còn giữ 01 giấy chứng nhận QSDĐ của bà M và ông Hồ Văn P.

Nay bà yêu cầu ông Nguyễn Hoàng V trả lại số tiền nợ gốc còn thiếu là 720.000.000 đồng và 35 chỉ vàng (30 chỉ vàng SJC, 05 chỉ vàng 9999) tương đương với 120.000.000 đồng, tổng cộng là 840.000.000 đồng cho vợ chồng bà. Bà sẽ trả lại cho ông V bản chính giấy chứng nhận QSDĐ số AH368596 do UBND huyện Long Thành cấp ngày 26/10/2007 do ông Hồ Văn P và bà Nguyễn Thị M đứng tên, bà không yêu cầu tính lãi hay điều chỉnh tiền lãi mà trước đây ông V đã đóng cho vợ chồng bà.

- *Bị đơn ông Nguyễn Hoàng V trình bày:* Ông biết bà Võ Thị E là vợ của ông Huỳnh Minh P nhưng không trực tiếp vay tiền của bà E mà vay tiền của ông P số tiền 880.000.000 đồng, khi làm giấy nợ thì do ông P yêu cầu ông làm giấy nợ bà Võ Thị E ngày 24/11/2010 và giao cho ông P 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH368596; N269448; BC766316. Ông cũng thừa nhận có mượn của bà E 35 chỉ vàng SJC và có viết giấy vay nợ với bà E ngày 16/12/2011.

Vì không có tiền trả nợ nên ông đã chuyển nhượng một số quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông P, bà E như sau:

- Diện tích đất 3.500 m^2 đất ở xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ ông chuyển nhượng cho thành viên trong gia đình của vợ chồng ông P, bà E (không nhớ rõ họ tên).

- 102 m^2 đất ở xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó đã làm thủ tục chuyển nhượng sang tên cho bà Võ Thị E.

- 5.000 m^2 đất ở Vĩnh Thanh chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông giao cho ông P để cấn trừ số nợ trên, sau đó ông P chuyển nhượng cho ông H và hiện nay ông H đã chuyển nhượng diện tích đất trên cho bà Trần thị L và bà L đã được UBND huyện Nhơn Trạch cấp giấy chứng nhận QSDĐ đối với thửa số 149, tờ bản đồ số 44 ở ấp Chính Nghĩa, xã Vĩnh Thanh.

- 100.000.000 đồng ông C mượn ông (có giấy vay nợ), sau đó ông đòi ông C thì ông C trả lời với ông đã trả số tiền trên cho ông P.

- 90.000.000 đồng ông Võ Văn V mượn ông (có giấy vay nợ), sau đó ông đòi ông V và ông V cũng trả lời đã trả cho ông P.

- Ông P có vay 300.000.000 đồng và 127.848.000 đồng tiền lãi của Ngân hàng công thương chi nhánh Nhơn Trạch. Sau đó, ông đã trả thay cho ông P.

- Ông P có vay 300.000.000 đồng và 80.000.000 đồng của Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn và ông cũng trả thay cho ông P.

- Số tiền 50.000.000 đồng của ông K vay thì ông ủy quyền cho ông P nhận.

Tất cả các việc chuyển nhượng và thanh toán, cấn trừ số tiền trên đều với mục đích để trả số tiền vay ông P và và E.

Đối với các diện tích đất trên, khi thỏa thuận chuyển nhượng cho ông P và bà E thì không thỏa thuận giá trị tài sản và sẽ cấn trừ số tiền bao nhiêu trong khoản nợ trên. Hiện nay ông không có giấy tờ, chứng cứ liên quan đến vấn đề chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên. Bên cạnh đó, ông cũng không có giấy tờ thể hiện việc ông chuyển giao đất, trả nợ ngân hàng để cấn trừ các khoản nợ trên và cũng không có ai làm chứng.

Ông đồng ý trả cho bà E 880.000.000 đồng và 35 chỉ vàng SJC theo giấy tờ mà ông đã ký, tuy nhiên bà E phải cấn trừ 08 khoản trên cho ông, nếu dư thì phải trả lại cho ông còn nếu thiếu thì ông sẽ trả cho bà E số tiền còn thiếu. Bà E, ông P không yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay và ông cũng không yêu cầu Tòa án điều chỉnh số tiền lãi mà trước đây ông đã đóng cho vợ chồng bà E, ông P.

Ông không làm đơn phản tố đối với bà E và ông P về 08 vấn đề trên. Sau này khi Tòa án giải quyết xong vụ án, nếu buộc ông phải trả số tiền trên cho bà E thì ông yêu cầu bà E phải trả tất cả 03 bản chính giấy chứng nhận QSDĐ số AH 368589, N 269448, BC 766316 cho ông.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông đề nghị hoãn phiên tòa để làm đơn phản tố với vợ chồng ông P và bà E.

Giấy chứng nhận QSDĐ số AH 368596 do ông Hồ Văn P và bà Nguyễn Thị M đứng tên được UBND huyện Long Thành cấp ngày 26/10/2007 vì thời gian đã lâu nên ông không nhớ ai là người đưa giấy chứng nhận đó cho ông.

Việc ông làm ăn, vay nợ với bà E, ông P thì vợ ông là bà Hồ Thị H không biết và không liên quan, hiện ông và bà H đã ly hôn nên ông đề nghị Tòa án không đưa bà H vào tham gia tố tụng trong vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Minh P trình bày:* Tám vấn đề mà ông V trình bày ở trên không liên quan đến số tiền và số vàng ông V vay của vợ chồng ông. Nay ông cũng thống nhất và đồng ý với ý kiến của vợ ông là bà Võ Thị E là yêu cầu một mình ông V trả 720.000.000 đồng và 35 chỉ vàng (30 chỉ vàng SJC, 5 chỉ vàng 9999) cho vợ chồng ông vì đây là tài sản chung vợ chồng.

Trong đơn khởi kiện của bà Võ Thị E xác định cho ông V vay số tiền 880.000.000 đồng, đã trả 160.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 720.000.000 đồng. Theo giấy nợ ông V xác nhận 880.000.000 đồng nhưng thực chất trong đó số tiền vốn là 720.000.000 đồng, số tiền 160.000.000 đồng là do 2 bên trong quá trình giao dịch trước đó đã thỏa thuận xong còn lại ông V nợ ông số tiền 520.000.000 đồng, vợ ông 200.000.000 đồng và 35 chỉ vàng. Vì ông V ký giấy nợ với vợ ông nên ông thỏa thuận để vợ ông đứng đơn khởi kiện. Nay ông bổ sung yêu cầu ông V trả các khoản tiền vàng như đã trình bày cho vợ chồng ông.

Riêng những vấn đề mà giữa ông và ông V làm ăn chung với nhau trong mua bán đất là nội dung khác trong thời gian làm việc chung tại UBND xã Vĩnh Thanh cụ thể như sau:

Đối với diện tích đất ở Cẩm Mỹ, ở Tân Thành, ở Vĩnh Thanh thì giữa ông và ông V do làm ăn, hùn rất nhiều nhưng do tình cảm nên chỉ trao đổi bằng lời nói, không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh.

Đối với tiền vay 02 ngân hàng thì hai bên chỉ trao đổi bằng lời nói, không có tài liệu chứng cứ để chứng minh. Ông xác định là người đứng vay, ông cho ông V vay lại để hưởng tiền chênh lệch, sự việc này ông và ông V chỉ trao đổi bằng miệng không có chứng cứ để chứng minh đồng thời, số tiền này đã thanh toán xong.

Đối với số tiền 100.000.000 đồng cho ông C mượn, không phải là số tiền mặt ông cho ông C mượn mà tiền này là số tiền lợi nhuận từ làm ăn chung với ông V. Sau đó ông C hỏi mượn ông thì ông có nói lấy số tiền lợi nhuận của ông đưa cho ông C mượn 100.000.000 đồng, ông V đã đưa cho ông C mượn và ông C đã làm giấy vay với V (ông không cầm giấy vay này). Giữa ông và ông V không làm bất kỳ giấy tờ

nào thể hiện sự việc trên vì do ông và ông V là anh em làm ăn chung từ lâu, tin tưởng chỉ giao dịch bằng lời nói. Đến hiện tại bây giờ, ông C cũng chưa trả cho ông.

Đối với số tiền 50.000.000 đồng là ông cho ông Khương vay nhưng để ông V đứng tên. Sau đó, ông và ông V mới hợp thức hóa bằng cách ông V ủy quyền cho ông đi nhận tiền của ông Khương nhưng chưa nhận được.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M trình bày***:** Bà không thế chấp hay đưa cho ông Nguyễn Hoàng V giấy chứng nhận QSDĐ số AH 368596 mang tên bà và chồng bà là ông Hồ Văn P để vay tiền từ ông V. Cách đây khoản 3 năm do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bà có đưa giấy chứng nhận QSDĐ trên cho một người ở gần nhà bà để vay 30.000.000 đồng (hiện nay bà không nhớ rõ họ tên). Tại sao giấy chứng nhận QSDĐ trên của vợ chồng bà ông V lại giữ và việc ông V giao giấy chứng nhận QSDĐ của vợ chồng bà cho bà E để vay tiền thì vợ chồng bà hoàn toàn không biết. Nay bà E khởi kiện ông V, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, để ông V trả tiền cho bà E và chuộc lại giấy chứng nhận QSDĐ trả lại cho bà.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn P* đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo giao nộp chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Hồ Văn P không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn S trình bày***:** Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N269448 ông đã nhận lại được nên không có yêu cầu gì và xin vắng mặt không tham gia vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 32/2017/DS-ST ngày 08/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đã tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của nguyên đơn bà Võ Thị E và yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Huỳnh Minh P đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng V.

Buộc ông Nguyễn Hoàng V phải trả cho bà Võ Thị E và ông Huỳnh Minh P số tiền 720.000.000 đồng và 35 chỉ vàng (30 chỉ vàng SJC, 5 chỉ vàng 9999).

Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Võ Thị E và ông Huỳnh Minh P trả Giấy chứng nhận QSDĐ số AH 368596 do UBND huyện Long Thành cấp ngày 26/10/2007 cho ông Hồ Văn P và bà Nguyễn Thị M đứng tên.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm trả, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/8/2017, ông Nguyễn Hoàng V kháng cáo toàn bộ bản án yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm đã không xem xét 08 khoản cấn trừ tiền vay mà ông đã đề cập.

Ngày 21/8/2017, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch ban hành quyết định kháng nghị bản án sơ thẩm với đề nghị hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn cũng là người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên ý kiến kháng nghị. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát.

Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án. Không đương sự nào cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bị đơn làm đơn kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét. Việc cấp sơ thẩm chưa xác minh thu thập chứng cứ về việc ông V cho rằng đã cấn trừ nợ vay qua các giao dịch sang nhượng đất, giao thu tiền vay…từ đó để xác định ông V đã trả cho vợ chồng ông P số tiền bao nhiêu và số nợ còn lại là thiếu sót nên kháng cáo của ông V là có cơ sở. Ngoài ra cấp sơ thẩm xác định ông Huỳnh Minh P là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là không đúng; ông Huỳnh Minh P có đơn yêu cầu bổ sung nhưng Tòa án không ra thông báo thụ lý là vi phạm tố tụng; Tòa án không đưa các ông Võ Văn V, Trần Văn K, Võ Tấn T và ông C vào tham gia tố tụng là bỏ sót tư cách người tham gia tố tụng; Tòa án cũng không thu thập chứng cứ làm rõ việc ông V trả số tiền 90.000.000 đồng là trả cho ai, có mục đích cấn trừ nợ hay không, cũng như không tiến hành làm rõ nội dung chứng cứ ghi âm do ông Huỳnh Minh P giao nộp…

Do Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, xác định không đúng và thiếu người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ không đầy đủ nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa cấp sơ thẩm giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Văn S có đơn xin vắng mặt xét xử, ông Hồ Văn P đã được triệu tập hợp lệ theo quy định nhưng vẫn vắng mặt nên xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn - ông Nguyễn Hoàng V, nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch và qua xem xét hồ sơ vụ án thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã có những thiếu sót về thu thập chứng cứ và vi phạm thủ tục tố tụng như sau:

[3] Tại Biên bản hòa giải ngày 10/4/2015, Tòa cấp sơ thẩm ghi nhận thành phần tham dự là nguyên đơn bà E, bị đơn ông V, người liên quan gồm ông Huỳnh Minh P, Hồ Văn P, bà Nguyễn Thị M nhưng phần trình bày lại không thể hiện có ý kiến của

ông Hồ Văn P và bà M, bên cạnh đó trong hồ sơ thời điểm này không thể hiện đã có bản tự khai, trình bày của ông Huỳnh Minh P, Hồ Văn P và bà M.

[4] Ngày 17/9/2015, Tòa án Nhơn Trạch ra quyết định ủy thác cho Tòa án Long Thành thu thập chứng cứ lấy lời khai của ông Hồ Văn P và bà M. Ngày 08/11/2015 Tòa án Nhơn Trạch mới trực tiếp lấy lời bà M (BL83) nhưng tại Biên bản hòa giải ngày 18/6/2015 trước đó (BL54) đã thể hiện có lời trình bày, ý kiến của ông Hồ Văn P và bà M.

[5] Tòa án sơ thẩm có văn bản yêu cầu Ngân hàng Nông nghiệp cung cấp chứng cứ về việc vay tiền của ông P nhưng trong hồ sơ không thể hiện có tài liệu chứng cứ mà Ngân hàng Nông nghiệp cung cấp cho Tòa án theo yêu cầu. Trong trường hợp Ngân hàng Nông nghiệp không cung cấp chứng cứ thì Tòa án cần lập Biên bản về việc không cung cấp chứng cứ, lý do không cung cấp của ngân hàng. Đối với các tài liệu chứng cứ của Ngân hàng Công thương giao nộp cho Tòa án lại không thể hiện có Quyết định yêu cầu thu thập của Tòa án đối với Ngân hàng Công thương. Tòa án sau khi nhận các chứng cứ này cũng không làm rõ nội dung chứng cứ, không thực hiện đối chất giữa các bên liên quan nhằm làm rõ về việc trên một số chứng cứ đã thể hiện ông V là người nộp tiền cho khoản vay của ông Huỳnh Minh P. Do ông V cho rằng ông là người đã trả tiền vay ngân hàng cho ông P để cấn trừ nợ vay của ông và ông Huỳnh Minh P cũng thừa nhận 02 khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Ngân hàng Công thương đều là khoản vay do ông đứng tên nhưng ông V có thực hiện trả tiền ngân hàng nên cần làm rõ có việc cấn trừ nợ vay qua lại giữa các bên hay không, nếu có thì số tiền ông V đã trả được tính cấn trừ là bao nhiêu. Ngoài ra một số chứng cứ việc nộp tiền không thể hiện đầy đủ nội dung do bản chụp photo mất chữ, mờ chữ.

[6] Tại Biên bản hòa giải và Biên bản kiểm tra chứng cứ cùng ngày 14/3/2017 (BL111-114) ghi nhận bà E có ủy quyền cho ông Huỳnh Minh P nhưng trong hồ sơ không có văn bản ủy quyền này.

[7] Sau khi Tòa án đã thu thập lời khai của bà E, ông V, ông Huỳnh Minh P, ông Sáu, bà M và tống đạt cho ông Hồ Văn P thì Tòa án đã tiến hành hòa giải. Tuy nhiên, ông Hồ Văn P là đương sự không có đơn xin vắng mặt hợp lệ nhưng Tòa án không tiến hành hòa giải lần hai để đảm bảo quyền lợi cho ông Hồ Văn P là vi phạm các Điều 205, 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Theo nội dung bản án tuyên là "Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Minh P" nhưng trong hồ sơ vụ án không thể hiện có đơn yêu cầu độc lập của ông P, không có biên lai đóng tạm ứng án phí, không có thông báo thụ lý yêu cầu độc lập.

[9] Trong quá trình giải quyết án, ông Huỳnh Minh P đã nộp cho Tòa án những bản tường trình về việc ghi âm nhưng Tòa án đã không thu thập chứng cứ về việc ghi âm, không đối chất về nội dung ghi âm cũng như không lập Biên bản về việc đương sự có giao nộp hay không giao nộp chứng cứ về ghi âm.

[10] Có mâu thuẫn giữa lời khai của các bên về việc ông V đã có những giao dịch nhằm mục đích cấn trừ nợ với bà E và ông Huỳnh Minh P nhưng Tòa án không tiến hành đối chất làm rõ, không thu thập các chứng cứ cần thiết để giải quyết vụ án. Cụ thể: Theo lời khai ông Nguyễn Hoàng V thì số tiền ông V vay của ông Huỳnh Minh P, bà E thì ông V đưa cho ông Võ Văn V, ông Trần Văn K, ông C để làm ăn. Tại bản tự khai của ông V ngày 13/3/2017, ông V yêu cầu Tòa án cho tiến hành đối chất giữa ông với ông Huỳnh Minh P và Võ Văn Vân để làm rõ ông Huỳnh Minh P có nhận số tiền 90.000.000 đồng từ ông V để cấn trừ nợ của ông V không; ông V cũng yêu cầu đối chất với ông K để làm rõ ông P có nhận số tiền 50.000.000 đồng từ ông K để cấn trừ nợ cho ông V không. Ngoài ra việc cấp sơ thẩm không đưa các ông Võ Văn V, ông Trần Văn K, ông C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bỏ sót tư cách tố tụng)

[11] Tòa án sơ thẩm chưa làm rõ việc ông V bán diện tích 102 m^2 đất ở Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu của ông V cho bà E là một giao dịch riêng biệt hay là giao dịch nhằm cấn trừ tiền nợ của ông V. Tòa án cũng không làm rõ số tiền bán đất trên nếu được dùng để cấn trừ thì có giá trị cấn trừ là 100.000.000 đồng hay 160.000.000 đồng; không làm rõ lời khai của bà E và ông P khi có sự bất nhất về số tiền đất ông V bán cho bà E. Cụ thể: tại Biên bản hòa giải ngày 18/6/2015 bà E khai đất ông V bán thì dùng tiền là 100.000.000 đồng cấn nợ cho bà E; tại bút lục 30 bà E khai ông V trả nợ gốc cho bà 160.000.000 đồng, việc ông V bán đất 120 m^2 vì cấn nợ khác, không liên quan nợ này; tại bút lục 31 ông Huỳnh Minh P cho rằng ông bà mua đất và đã trả tiền 100.000.000 đồng cho ông V…). Tòa án cũng chưa thu thập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông V cho bà E để làm rõ vấn đề trên.

[12] Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông V thế chấp cho bà E do ông P, bà E giao nộp cho Tòa; các tài liệu nhận tiền, vay tiền của ông Vân, ông Cảnh mà ông V cung cấp; giấy phô tô theo sổ tay của ông P thể hiện việc cấn trừ nợ qua lại giữa ông P và ông V đều là bản phô tô không có sao y, đối chiếu nên không có giá trị chứng minh. Việc thu thập chứng cứ như trên là vi phạm Điều 95 BLTTDS năm 2015.

[13] Từ những nhận định trên, xét thấy do cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa được thực hiện đầy đủ dẫn đến việc chưa đủ căn cứ để giải quyết vụ án một cách toàn diện, khách quan và chính xác mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được nên hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[14] Về án phí: Do hủy bản bản án sơ thẩm nên người kháng cáo-ông Nguyễn Hoàng V không phải chịu án phí.

[15] Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng V; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch.

2. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 32/2017/DS-ST ngày 08/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Hoàng V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Hoàn trả cho ông V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 01666 ngày 08/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp huyện;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Đương sự trong vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thanh Phượng